

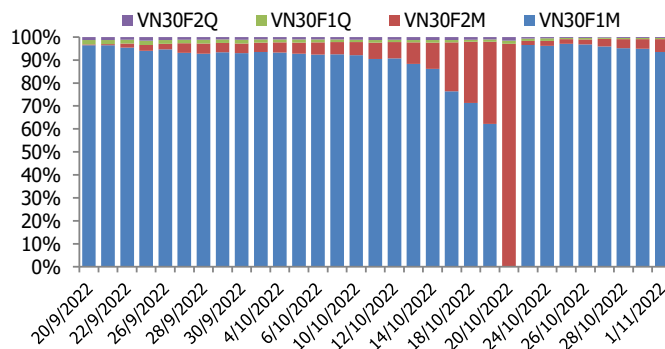
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2211	17/11/2022	16	1018.00	47,645
VN30F2212	15/12/2022	44	1012.70	2,834
VN30F2303	16/3/2023	135	1010.00	259
VN30F2306	15/6/2023	226	1010.00	185

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến co giạt tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh, biên độ dao động rộng tạo cơ hội cho các vị thế đánh ngắn trong ngày. Đóng cửa, cả 4 HĐTL có mức giảm từ 0,1 đến 6,0 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 11,25 điểm. Basis của các HĐTL suy yếu so với phiên trước đó, ghi nhận mức âm từ -28,09 đến -20,09 điểm, điều này cho thấy tâm lý thận trọng của giới đầu tư khi các chỉ số đang tiệm cận các ngưỡng cản mạnh. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm nhẹ so với phiên liền trước, đạt 477.343 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 11 với 4.637 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 11.701 hợp đồng.

- Thị trường cơ sở có phiên tăng thứ 2 liên tiếp trong chuỗi tăng 4/6 phiên kể từ đáy 962,45 điểm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng là động lực chính đưa thị trường phục hồi trong những phiên gần đây. Ngoài nhóm ngân hàng, các nhóm khác như: chứng khoán, bất động sản, dệt may...cũng đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay. Về kỹ thuật, VN-Index vẫn có được một phiên tăng để duy trì kỳ vọng thử thách lại ngưỡng MA20 ngày.

- Kịch bản biến động nhanh và mở GAP ghi nhận trong hầu hết các phiên giao dịch gần đây của chỉ số VN30F1M. Trong khi xu hướng ngắn hạn khá giằng co thì tỷ lệ rủi ro giao dịch lên mức rất cao đối với nhà đầu tư dù ở vị thế Long hay Short cũng đều không có được thành quả đáng kể. Theo đó, nên ưu tiên quan sát và chỉ nên hành động khi chạm ngưỡng kháng cự và hỗ trợ quan trọng. Cụ thể, hoạt động Long sẽ được ưu tiên tại những ngưỡng hỗ trợ 1015-1018 điểm với mục tiêu giao dịch tương đối ngắn ở mức 1030-1035 điểm, đặt trong bối cảnh thanh khoản không có nhiều cải thiện. Ngược lại, trong trường hợp chỉ số gặp khó ở vùng 1035-1038 điểm nhà đầu tư có thể cân nhắc mở lệnh Short theo xu hướng giảm của chỉ số.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

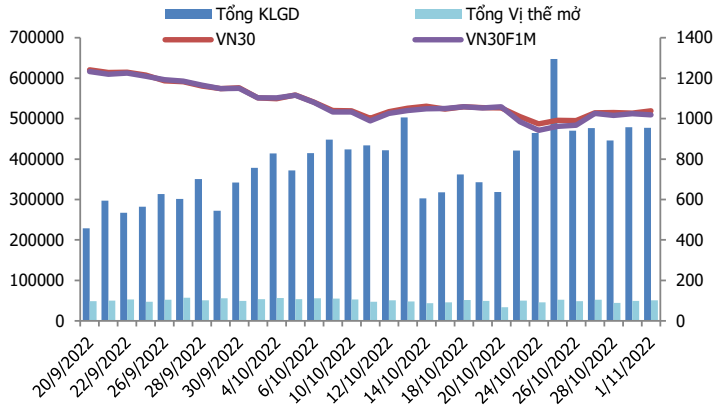
Hoạt động Long mở ra tại ngưỡng hỗ trợ 1015-1018 điểm với mục tiêu giao dịch tương đối ngắn ở mức 1030-1035 điểm, đặt trong bối cảnh thanh khoản không có nhiều cải thiện. Ngược lại, trong trường hợp chỉ số gặp khó ở vùng 1035-1038 điểm nhà đầu tư có thể cân nhắc mở lệnh Short theo xu hướng giảm của chỉ số.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích.

Chiến lược giao dịch spread

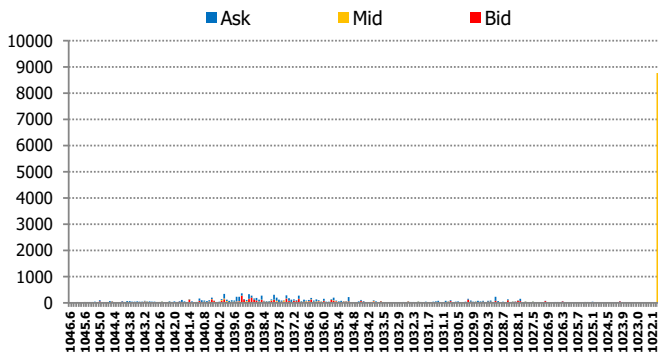
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2211	1018.0	-0.59	472,672	-1.0	47,645	2.1
VN30F2212	1012.7	-0.29	2,120	71.4	2,834	38.7
VN30F2303	1010.0	-0.36	1,558	1593.5	259	-0.8
VN30F2306	1010.0	-0.01	993	351.4	185	2.2
Tổng			477,343	-0.3	50,923	3.6

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Diễn biến co giạt tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh, biên độ dao động rộng tạo cơ hội cho các vị thế đánh ngắn trong ngày. Đóng cửa, cả 4 HĐTL có mức giảm từ 0,1 đến 6,0 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 11,25 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 0,3% so với phiên liền trước, đạt 477.343 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 11 với 472.672 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 11 với 4.637 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 11.701 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2211 là 1.038,68 điểm (cao hơn 20,68 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2212 là 1.039,71 điểm (+27,01 điểm), VN30F2303 là 1.043,06 điểm (+33,06 điểm) và VN30F2306 là 1.046,43 điểm (+36,43 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

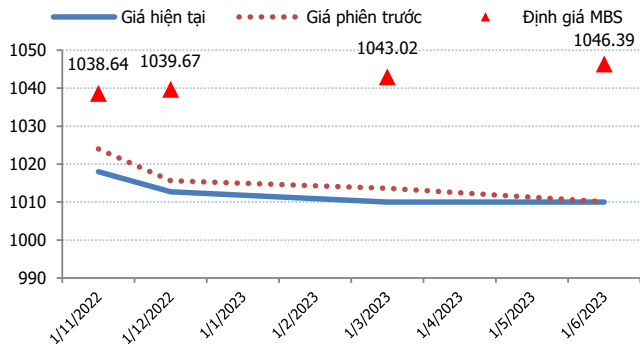
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1015-1018	992-998	930-936
Kháng cự	1028-1031	1049-1054	1120-1130

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

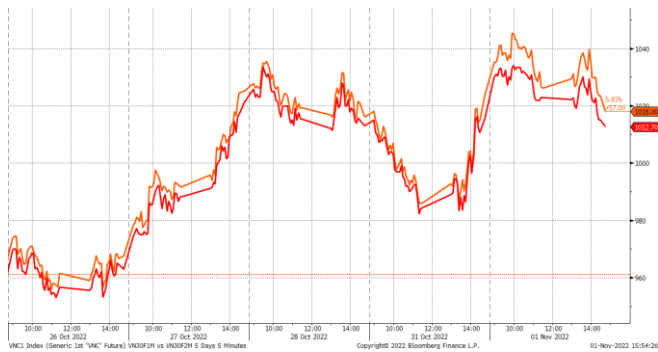


Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-5.3	-8.40	3.1	-5.04
VN30F1Q - VN30F1M	-8	-10.40	2.4	-8.36
VN30F1Q - VN30F2M	-2.7	-2.00	-0.7	-3.32
VN30F2Q - VN30F1M	-8	-13.90	5.9	-8.74
VN30F2Q - VN30F2M	-2.7	-5.50	2.8	-3.7
VN30F2Q - VN30F1Q	0	-3.50	3.5	-0.38

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

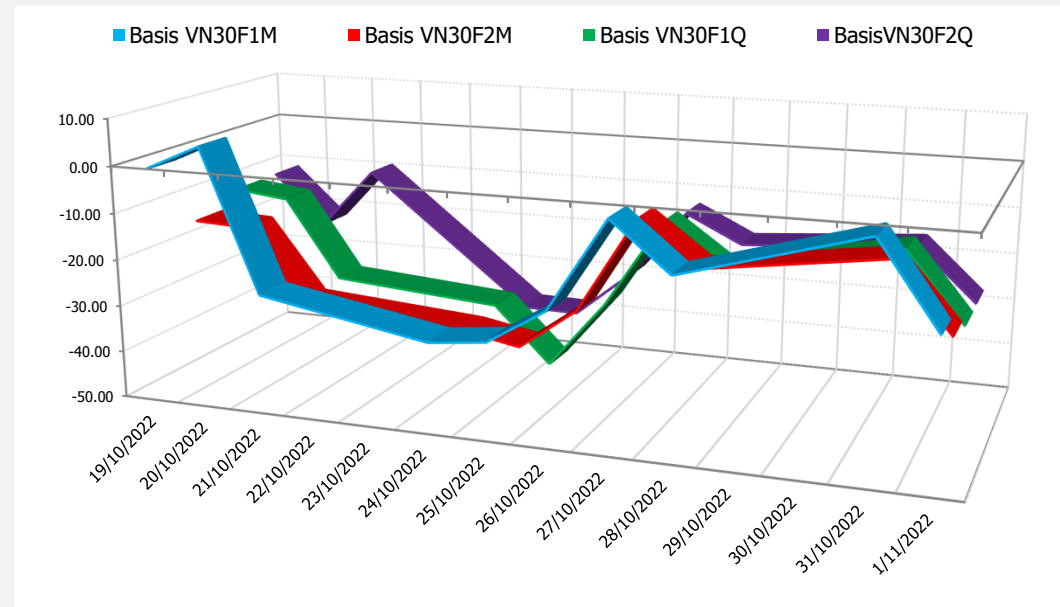


NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Basis của các HĐTL suy yếu so với phiên trước đó, ghi nhận mức âm từ -28,09 đến -20,09 điểm, điều này cho thấy tâm lý thận trọng của giới đầu tư khi các chỉ số đang tiệm cận các ngưỡng cản mạnh.

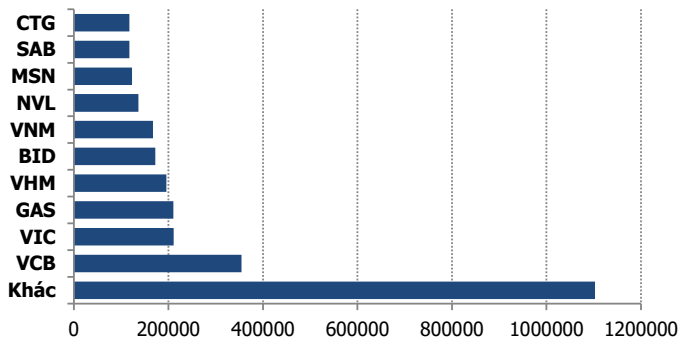
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -8 điểm đến 0 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2212- VN30F2211) tăng thêm 3,1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

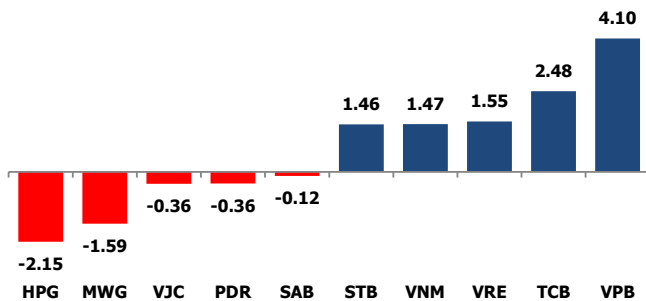


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1033.75	1038.09
Thay đổi	5.81	11.25
%Chg	0.57	1.10
YTD	-31.00	-32.40
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	4,125.97	2,910.35
P/E	10.78	8.84
P/B	1.66	1.64

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục tích cực. Số mã tăng điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (9) và 4 mã đứng tham chiếu. VPB và TCB trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +4,1 điểm và +2,48 điểm; ngoài ra VRE, VNM hay STB cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 11,25 điểm (+1,1%) lên 1.038,09 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 249,8 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 5.340 tỷ đồng.

Khối ngoại quay lại bán ròng với 759,17 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như HPG (-531 tỷ đồng), KBC (-120 tỷ đồng), STB (-44 tỷ đồng), SSI (-36 tỷ đồng), GEX (-31 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,033.75	0.57	10.78	(31.00)
Dow Jones	32,653.20	(0.24)	18.64	(10.14)
S&P500	3,856.10	(0.41)	18.77	(19.09)
Nikkei 225	27,648.46	(0.11)	27.21	(3.97)
Shanghai	2,969.20	2.62	13.29	(18.42)
DAX	13,338.74	0.64	12.85	(16.03)
Vàng	1,650.08	0.13		(9.79)
Dầu WTI	88.85	0.54		18.14

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 31/10/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 9)	0.6%	0.6%	0.6%
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 10)	50.1	50.0	49.2
Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 10)	9.9%	10.2%	10.7%
Thứ Ba - 01/11/2022			
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 10)	48.1	49.0	49.2
Úc - Quyết định lãi suất (Tháng 11)	2.60%	2.85%	2.85%
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 10)	48.4	45.8	46.2
Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 10)	50.9	50.0	50.2
Mỹ - Cơ hội việc làm của JOLTs (Tháng 9)	10.280M	10.000M	10.717M
New Zealand - Thay đổi việc làm (quý/quý) (Quý 3)	0.0%	0.5%	1.3%
Thứ Tư - 02/11/2022			
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 10)	45.7	45.7	
Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 10)	14K	13K	
Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 10)	208K	190K	
Mỹ - Dự trữ dầu thô	2.588M		
Mỹ - Quyết định lãi suất	3.25%	4.00%	
Thứ Năm - 03/11/2022			
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 10)	47.2	47.2	
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ (Tháng 10)	47.5	47.5	
Anh - Quyết định lãi suất (Tháng 11)	2.25%	3.00%	
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	217K	220K	
Mỹ - Chỉ số PMI phi sản xuất của ISM (Tháng 10)	56.7	55.4	
Thứ Sáu - 04/11/2022			
Anh - PMI xây dựng (Tháng 10)	52.3	48.0	
Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 10)	263K	200K	
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 10)	3.5%	3.6%	
Canada - Thay đổi việc làm (Tháng 10)	21.1K	5.0K	
Canada - Chỉ số PMI Ivey (Tháng 10)	59.5		

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm điểm khi nhà đầu tư đánh giá dữ liệu kinh tế tốt hơn dự báo và chuẩn bị cho một đợt nâng lãi suất khác từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Đóng cửa, chỉ số Dow Jones lùi 79,75 điểm (-0,24%) xuống 32.653,20 điểm, chỉ số S&P 500 mất 0,41% còn 3.856,10 điểm và chỉ số Nasdaq Composite giảm 0,89% xuống 10.890,85 điểm. Randy Frederick, Giám đốc điều hành giao dịch và phái sinh tại Schwab Center for Financial Research, nhận định: "Bất cứ khi nào bạn nhận được tin tốt, thị trường không thích điều đó bởi vì nó có nghĩa là Fed có thể sẽ thắt chặt mạnh hơn và có khả năng lâu hơn. Chúng ta vẫn đang ở trong chu kỳ tin xấu chính là tin tốt".
- Giá dầu tăng do lạc quan rằng Trung Quốc, nước tiêu thụ dầu lớn thứ hai thế giới, có thể gỡ bỏ những biện pháp hạn chế nghiêm ngặt chống COVID 19. Giá dầu Brent kỳ hạn giao tháng 1 tăng 1,84 USD (+2%) lên 94,65 USD/thùng. Giá dầu thô trung cấp Tây Texas (WTI) của Mỹ tăng 1,84 USD (+2,1%) lên 88,37 USD, sau khi giảm 1,6% trong phiên trước.
- Giá vàng tăng hơn 1% vào thứ Ba khi đồng đô la Mỹ và lợi suất trái phiếu trượt khỏi mức cao nhất trong phiên, với trọng tâm theo dõi là một thông báo quan trọng của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) kỳ vọng sẽ cho các dấu hiệu về việc liệu họ sẽ giảm quy mô hay giữ nguyên lập trường tích cực về tăng lãi suất. Giá vàng giao ngay tăng 0,9% lên 1.647,24 USD/ounce, trong phiên có lúc tăng tới 1.696,94 USD; vàng kỳ hạn tháng 12 cũng tăng 0,6% lên 1.649,70%.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VPB, TCB và VRE là những nhân tố chính đưa chỉ số VN30 quay lại đà tăng điểm. Trong đó, VPB đóng góp +4,1 điểm cho chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật VPB



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.00	17,200	5.20	5.76%	433.452	4.10	5.74	1.22
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	7.01	75,500	-0.13	2.40%	42.677	-0.10	15.72	4.16
VNM	Food Products	6.68	80,200	2.17	5.10%	256.59	1.47	21.23	5.38
ACB	Banks	6.42	22,450	0.22	2.91%	76.177	0.15	5.72	1.36
VHM	Real Estate Management & Development	5.86	45,000	0.00	2.67%	119.392	0.00	6.23	1.44
TCB	Banks	5.83	25,650	4.27	4.00%	220.122	2.48	4.25	0.83
MSN	Food Products	5.52	86,500	1.17	4.06%	97.377	0.66	12.83	4.80
NVL	Real Estate Management & Development	5.44	70,000	0.00	8.84%	84.465	0.00	47.80	3.66
VIC	Real Estate Management & Development	5.26	55,400	0.00	3.33%	77.984	0.00	193.62	1.88
MWG	Specialty Retail	5.12	50,100	-2.91	4.79%	102.141	-1.59	14.30	3.15
HPG	Metals & Mining	4.78	15,000	-4.15	8.11%	1244.195	-2.15	5.63	0.89
MBB	Banks	4.47	18,000	1.69	3.08%	378.978	0.77	4.64	1.13
VCB	Banks	3.89	75,000	2.04	2.32%	61.158	0.81	13.43	2.77
STB	Banks	3.17	16,900	4.64	5.50%	500.768	1.46	7.68	0.86
HDB	Banks	2.91	16,600	1.22	3.96%	58.404	0.36	5.53	1.19
VJC	Airlines	2.87	106,300	-1.21	1.69%	11.943	-0.36	931.04	3.29
VRE	Real Estate Management & Development	2.38	26,250	6.71	7.13%	52.257	1.55	28.88	1.83
VIB	#N/A	2.33	20,150	2.81	3.28%	100.99	#N/A	5.06	1.39
SSI	Capital Markets	1.76	16,950	3.99	4.60%	372.662	0.70	7.52	1.15
CTG	Banks	1.76	24,450	-0.61	4.30%	219.104	-0.11	7.55	1.12
TPB	Banks	1.72	21,800	5.31	5.74%	127.546	0.90	5.69	1.13
SAB	Food Products	1.29	183,600	-0.92	2.02%	31.555	-0.12	21.79	4.83
PDR	Capital Markets	1.14	42,400	-2.97	4.04%	84.824	-0.36	13.10	3.38
KDH	Real Estate Management & Development	1.06	22,800	0.44	4.93%	35.811	0.05	12.77	1.43
GAS	Gas Utilities	1.05	110,000	-0.99	3.94%	50.334	-0.11	15.74	3.72
BID	Banks	0.69	34,050	-1.45	3.38%	55.994	-0.10	10.64	1.79
POW	Independent Power and Renewable Electricity Producer	0.60	10,350	0.00	2.44%	51.156	0.00	20.75	0.82
BVH	Beverages	0.39	53,000	0.95	3.69%	54.5	0.04	22.47	1.77
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.37	29,100	2.11	1.90%	23	0.08	39.45	1.59
GVR	Real Estate Management & Development	0.23	14,500	0.69	3.47%	18.403	0.02	13.65	1.15

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng của của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đình Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn